

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP IA H'DRAI

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-CTy ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ia H'Drai)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch năm 2026	So sánh Kế hoạch 2026/Thực hiện 2025 (%)
I	Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu				
1	Gỗ tròn khai thác tận dụng trên đất chuyển đổi ¹	m3		515,744	
2	Gỗ cành ngọn khai thác trên đất chuyển đổi ²	m3		60,186	
2	Củi khai thác tận dụng trên đất chuyển đổi ³	Ster		61,455	
3	Khai thác lồ ô (lâm sản phụ dưới tán rừng tự nhiên thuộc lâm phần Công ty quản lý)	Cây		30.000	
II	Sản phẩm dịch vụ công ích		34.687,93	34.687,93	100,00
1	Diện tích rừng được UBND tỉnh Quảng Ngãi giao quản lý và bảo vệ ⁴	Ha	34.687,93	34.687,93	100,00
	Bao gồm:				
	+ Diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Ha	16.871,60	16.871,60	100,00
	+ Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất tạm dừng khai thác được ngân sách hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng	Ha	17.816,33	17.816,33	100,00
II	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu				
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	7.713	7.713	100,00
2	Doanh thu	Tr.đồng	21.962	17.839	81,23
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.870	1.950	67,94
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	2.334	1.560	66,84
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	541	635	117,38
III	Tổng lao động	Người	59	65	110,17
1	Chủ tịch, Kiểm soát viên (chủ tịch kiêm giám đốc)	người	2	2	100,00
2	Ban điều hành: Các phó giám đốc, Kế toán trưởng	người	2	3	150,00
3	Người lao động	người	55	60	109,09
IV	Quỹ lương⁵	Tr.đồng	7.481	9.521	127,27
V	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr.đồng	8,82	9,45	107,14

1,2,3: Quyết định số 433/QĐ-SNNMT ngày 26/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Kon Tum (nay là Quảng Ngãi) về việc phê duyệt Phương án gỗ, thực vật ngoài gỗ từ rừng tự nhiên sản phẩm hoàn thành khai thác tận dụng năm 2026.

4. Diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng: 16.871,60 ha giảm so với kế hoạch đã xây dựng: 571,14 ha, bao gồm giảm diện tích do chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng đường thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơ và giảm do chưa đảm bảo tiêu chí để hưởng dịch vụ môi trường rừng; Diện tích rừng tự nhiên tạm dừng khai thác: 17.816,33 ha giảm so với kế hoạch đã xây dựng: 160,49 ha, bao gồm giảm diện tích do chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng đường thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơ là 4,25 ha và giảm do các nguyên nhân khác 156,24 ha. (Diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơ) và giảm do một số nguyên nhân khác.

5: Lương chủ tịch, kiểm giám đốc: 37trx2x12th +37trx12x20%; kiểm soát viên: 30trx2x12th; lương ban điều hành: Các PGĐ 29,6trđ/th; KTT: 25,9 trđ/th; Tiền lương người lao động tính thêm 5 xuất dự kiến tăng trong năm 2026 và tăng lương tối thiểu vùng 3,700,000 đồng theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ được áp dụng từ 01/01/2026, tăng mức tối thiểu vùng từ 3,450,000 đồng lên 3,700,000 đồng)

10,11. Tổng lợi nhuận trước thuế 1,950 triệu đồng; Sau thuế 1,560 triệu đồng.



rừng tự nhiên và đường ranh rừng trồng									
5	Bảng tên Công ty	CT	1,0					100	100
II	DỰ ÁN MUA SẮM MÂY MỐC, THIẾT BỊ, NÂNG CẤP SỐ HOÁ DOANH NGHIỆP				129			489	100
1	Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng xây dựng kế hoạch theo Phương án PCCC được phê duyệt hàng năm	CT						300	29
2	Mua sắm mô tô phục vụ công tác Tuần tra rừng	xe						29	100



Phụ lục số 02



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP IA H'DRAI

Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 09 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Đơn vị tính	Quy mô/khối lượng	Kinh phí thực hiện năm 2025 (triệu đồng)	Phân theo Nguồn vốn đầu tư		Kế hoạch 2026		Ghi chú
					NSNN hỗ trợ (triệu đồng)	Vốn của Doanh nghiệp (triệu đồng)	Kế hoạch 2026 (triệu đồng)	So sách KH 2026/TH 2025 (%)	
TỔNG CỘNG									
I	DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN								
1	Xây dựng nhà ở tập thể người lao động	Công trình	Nhà cấp IV			750	750		
2	Xây dựng Giếng khoan (Chi nhánh lâm trường Sê San và Ia Dom)	Cái	2,0			400	400		
3	Xây dựng đường ranh cản lửa mới trên diện tích lâm phần	Km	5	123		125	125	102	
4	Tu bổ đường ranh cản lửa hiện có bao gồm cả đường ranh rừng tự nhiên và đường ranh rừng trồng (*)	Km	21,1	230		350	350	152	
5	Bảng tên Công ty	CT	1,0			100	100		
II	DỰ ÁN MUA SẮM MÁY MÓC, THIẾT BỊ, NÂNG CẤP SƠ HOÁ DOANH NGHIỆP								
1	Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng xây dựng kế hoạch theo Phương án PCCC được phê duyệt hàng năm	CT	CT	100		300	300	300	
2	Mua sắm mô tô phục vụ công tác Tuần tra rừng	xe	01Xe Mô tô	29		29	29	100	



3	Số hoá tài liệu	CT	1,0			160	160	
III	Phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững				1.200	408	1.608	
1	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	Ha	61,0					
3	Theo dõi diễn biến rừng	ha	36.962,7			8	8	
4	Kiểm kê rừng	ha	36.962,7		1.200		1.200	
5	Điều chỉnh, bổ sung Phương án Quản lý rừng bền vững	CT	1,0			400	400	

(*): Đường ranh hiện trạng tính đến 31/12/2025: 14,76; đường ranh rừng trồng 1,4 km. Lâm mới 2025: 5kmn và sau đó lũy kế hàng năm tăng thêm để tổng cộng là 21,16 km.

